

Bản án số: 24/2026/DS-ST

Ngày: 27-02-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt C – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Phạm Thị T – Chuyên viên kiểm soát rủi ro (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: A đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, bà Trần Thị H ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (TMCP) Sài Gòn T

số 043/2023. Thực hiện thỏa thuận, Ngân hàng TMCP S cấp cho bà H thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, theo đó bà H được cấp thẻ tín dụng số tài khoản thẻ 436438-8370, hạn mức tín dụng thẻ là 150.000.000 đồng với lãi suất 29,8%/năm. Bà H được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch, số tiền giao dịch là 2.731.332.300 đồng; lãi, phí là 15.940.149 đồng; số tiền thanh toán là 2.631.531.810 đồng; dư nợ tính đến ngày 05-4-2025 là 115.740.639 đồng.

Do bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán tiền gốc và lãi chưa thanh toán nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện. Do vậy, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ thanh toán khoản vay trên (tính đến hết ngày 27-02-2026) là 211.197.983 đồng; trong đó nợ gốc là 163.355.119 đồng; nợ lãi quá hạn là 47.842.864 đồng. Và yêu cầu bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đã ký nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn cư trú tại phường P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn bà H trú tại địa chỉ: B Trần Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: A đường C, phường P, thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ trên nhưng bị đơn không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn là từ bỏ quyền chứng minh và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Như vậy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp văn bản ý kiến, các tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ đã thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.3] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trần Thị H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.4] Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, nguyên đơn và bị đơn ký kết, thể hiện bị đơn được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng, hạn mức thẻ 150.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn phù hợp với quy định. Do vậy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP S đã cấp cho bà H thẻ tín dụng số tài khoản thẻ 436438-8370, hạn mức tín dụng thẻ là 150.000.000 đồng với lãi suất 29,8%/năm. Tính đến hết ngày 27-02-2026, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 211.197.983 đồng; trong đó nợ gốc là 163.355.119 đồng; nợ lãi quá hạn là 47.842.864 đồng

[2.5] Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn thiếu nói trên và lãi phát sinh kể từ ngày 28-02-2026 cho đến khi bà H hoàn tất khoản nợ theo hợp đồng phát hành thẻ đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. H1 lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Trần Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S số tiền là 211.197.983đ (*hai trăm mười một triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng*); trong đó nợ gốc là 163.355.119 đồng; nợ lãi quá hạn là 47.842.864 đồng

Kể từ ngày 28-02-2026, bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi và chi phí phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15-02-2023 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.559.899 (*mười triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng*).

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.800.000đ (*hai triệu, tám trăm triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028426 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 11- TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự khu vực 11- TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huê

